TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 520/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1982; CCCD số: 089182003577; địa chỉ: Số C, đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Trung D, sinh năm 1975; CCCD số: 022075004746; thường trú tại: Số A, đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2025 và bản tự khai ngày 20/11/2025, nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:***

Về hôn nhân: Bà Nguyệt ông Trần Trung D tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/11/2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2015, quyển số 01/2015.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chúng bà N sống cùng gia đình bên chồng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vả do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên nhậu nhẹt và ít quan tâm đến vợ con.

Ngoài ra ông D khi có rượu, bia vào thường mất kiểm soát, có lần ông D còn có hành vi bạo lực với bà N dẫn đến việc bà N phải nhập viện. Hiện nay bà N và ông D đã thường xuyên không chung sống với nhau từ 07 đến 08 năm nay. Do bà N không còn tình cảm với ông D nên bà N làm đơn này yêu cầu được ly hôn với ông Trần Trung D.

Về con chung: Quá trình chung sống, giữa bà Trịnh Thị N và ông Trần Trung D có 01 người con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 08/12/2015. Sau khi ly hôn, bà Trịnh Thị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà Trịnh Thị N và ông Trần Trung D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Trần Trung D trình bày:***

Ông Trần Trung D thống nhất với lời trình bày của bà Trịnh Thị N về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn. Những mâu thuẫn như bà N trình bày thì ông D không có ý kiến, tuy nhiên ông D cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ông D thừa nhận có lúc nhậu nhẹt. Đôi khi có rượu bia vào ông D có khi mất kiểm soát, có lần nóng tính mất kiểm soát ông D đã có hành vi bạo lực với bà N. Sau sự việc đó, ông D đã rất hối lỗi đến gia đình ba mẹ vợ để nhờ ba mẹ vợ khuyên ngăn nhưng bà N tránh mặt và chặn số điện thoại của ông D nên ông D không thể gặp được vợ tôi.

Hiện nay, bản thân tôi thấy còn thương vợ và thương con, tại các buổi hòa giải ở Tòa án, ông D có nói chuyện với bà N để cho vợ chồng có cơ hội ở bên nhau cùng chăm sóc con cái nhưng bà N không đồng ý.

- Về con chung: Tôi và bà Trịnh Thị N có 01 con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 08/12/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Bị đơn ông Trần Trung D vẫn giữ nguyên ý kiến không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Bà N1 và ông D chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà N1, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà N1 và ông D là có thật, nguyên nhân do ông D không có trách nhiệm với vợ, con. Tòa án tạo điều kiện để bà N1, ông D hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng bà N1 và ông D không có tiếng nói chung. N2 thấy, mâu thuẫn giữa bà N1 và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1.

[3] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của bà Trịnh Thị N và chứng cứ do bà N giao nộp, Tòa xác định được giữa bà Trịnh Thị N và ông Trần Trung D có 01 người con chung tên là Trần Quốc V, sinh ngày 08/12/2015.

Sau khi ly hôn, bà Trịnh Thị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, hiện nay con chung đang sinh sống ổn định cùng với bà N, do đó cần giao con chung Trần Quốc V cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Trịnh Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trịnh Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147; các Điều 266, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39; khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N đối với bị đơn ông Trần Trung D về việc "Ly hôn".

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị N được ly hôn ông Trần Trung D (theo Giấy chứng nhận kết hôn 88/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 10/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Bà Trịnh Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 08/12/2015. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0040532 ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh (Phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THADS khu vực 15);
- UBND phường Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

Trần Huỳnh Minh Trí